

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN IA GRAI
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 10/2019/DS-ST
Ngày 03 tháng 5 năm 2019
*“V/v tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI, TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Huy
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Lan và bà Nguyễn Thị Mỹ
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông V Tấn Lập – Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 94/2018/TLST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2019/QĐST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng C, địa chỉ: Khu C, bán đảo Đ, phường H, quận H, Thành phố Hà Nội;

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Huỳnh Xuân T – Phó giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện G, tỉnh Gia Lai; địa chỉ: số X, đường H, thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai; theo quyết định ủy quyền số 24/QĐ-NHCS ngày 22/6/2017 của Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện G, tỉnh Gia Lai. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Ông Trần Văn K, bà Lê Thị D, ông Trần Anh K
Cùng địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện G, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền và nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Thanh V

Địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện G, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ghi ngày 20/11/2018, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Huỳnh Xuân T trình bày như sau:

Ngân hàng C có cho hộ gia đình ông Trần Văn K vay tiền và quá trình thực hiện giao dịch cụ thể như sau:

1. Căn cứ Giấy đề nghị vay vốn ngày 04/11/2011 (BL16) và Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn của tổ tiết kiệm và vay vốn ngày 04/11/2011 (BL13), Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện G đã giải ngân cho hộ gia đình ông Trần Văn K vay vốn theo diện học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, với số tiền 18.900.000đ, không có tài sản đảm bảo, lãi suất trong hạn 0,65%/ tháng, lãi suất quá hạn 0,845%/tháng, thời hạn cho vay 72 tháng, trả lãi tiền vay vào ngày 16 hàng tháng, trả tiền gốc 06 tháng/lần. Theo sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay, thu nợ, dư nợ (BL15), Ngân hàng C đã giải ngân cho vay vào ngày 09/11/2011. Căn cứ vào giấy xác nhận hoàn thành khóa học ngày 18/11/2013 của T Cao đẳng nghề Gia Lai, các bên xác định thời hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 30/9/2017, được gia hạn thời hạn trả nợ đến ngày 31/10/2018.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay, hộ ông Trần Văn K chỉ trả tiền nợ gốc 10.000.000đ vào ngày 16/12/2015 và trả lãi từ ngày 09/11/2011 đến ngày 15/5/2017 là 5.729.645đ. Sau đó, hộ ông K không tiếp tục trả nợ gốc và nợ lãi.

Đã đến thời hạn trả nợ nhưng hộ gia đình ông K không trả nợ nên yêu cầu Tòa án buộc ông K, bà Lê Thị D, ông Trần Anh K phải trả cho Ngân hàng C số tiền nợ gốc là 8.900.000đ và tiền lãi trong hạn tính từ ngày 16/5/2017 đến ngày 31/10/2018 theo mức lãi suất 7,8%/năm là 1.013.722đ, tiền lãi quá hạn từ ngày 01/11/2018 đến ngày xét xử theo mức lãi suất 10.14%/năm là 452,466đ.

2. Căn cứ Giấy đề nghị vay vốn ngày 06/12/2015 (BL18) và Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn của tổ tiết kiệm và vay vốn ngày 10/12/2015 (BL13), Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện G đã giải ngân cho hộ gia đình của ông Lê Văn D, vay vốn theo chương trình vay vốn đối với đối tượng chính sách hộ mới thoát nghèo, với số tiền 40.000.000đ, không có tài sản đảm bảo, lãi suất trong hạn 0,6875%/ tháng, lãi suất quá hạn 0,89375%/tháng, thời hạn cho vay 36 tháng, trả lãi tiền vay vào ngày 16 hàng tháng, trả tiền gốc 12 tháng/lần. Theo sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay, thu nợ, dư nợ (BL19), Ngân hàng C đã giải ngân cho vay vào ngày 16/12/2015, thời hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 16/12/2018.

Hộ gia đình ông Trần Văn K đã trả tiền lãi từ ngày 16/12/2015 đến ngày 15/5/2017 là 4.739.168đ. Sau đó, hộ ông K không tiếp tục trả lãi và chưa trả tiền nợ gốc.

Do hộ ông Trần Văn K vi phạm nghĩa vụ trả nợ tiền gốc, hiện đã bỏ đi khỏi nơi cư trú, không cung cấp địa chỉ mới cho Ngân hàng C và chính quyền địa phương, không còn sử dụng vốn vay để chăm sóc vườn cà phê, nên yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Văn K, bà Lê Thị D, ông Trần Anh K phải trả số tiền: Nợ gốc là 40.000.000đ, nợ lãi từ ngày 16/5/2017 đến ngày xét xử theo mức lãi suất 8,25%/năm là 6.502.181đ.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Trần Văn K, bà Lê Thị D, ông Trần Anh K và người có quyền và nghĩa vụ liên quan là ông Trần Thanh V vắng mặt, không có ý kiến và không cung cấp tài liệu, chứng cứ.

- Kết quả xác minh của Tòa án (BL24, 25), ông K, bà D, ông K, ông V có cư trú tại thôn Tân Hòa, xã Ia Sao, huyện G, tỉnh Gia Lai nhưng đã bỏ đi khỏi địa phương từ tháng 5/2017, không thông báo địa chỉ mới cho chính quyền địa phương; tại thời điểm tháng 11/2011 và tháng 12/2015 hộ gia đình ông Trần Văn K bao gồm chủ hộ là ông Trần Văn K, vợ là bà Lê Thị D; các con là Trần Anh K, sinh năm 1994 và Trần Thanh V, sinh năm 2000.

- Ý kiến của Kiểm sát viên: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng và nguyên đơn đảm bảo, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo kết quả xác minh của Tòa án tại UBND xã Ia Sao, huyện G, tỉnh Gia Lai, bị đơn có địa chỉ nơi cư trú tại đúng với địa chỉ mà nguyên đơn đã ghi trong đơn khởi kiện và đúng với địa chỉ ghi trong hồ sơ vay tiền. Tuy nhiên, khi Tòa án tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, bị đơn đã đi khỏi địa chỉ nơi cư trú, không xác định thời điểm trở về, không thông báo cho nguyên đơn và cơ quan có thẩm quyền biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40 của Bộ luật Dân sự năm 2015, cố tình che giấu địa chỉ nên Tòa án tiến hành giải quyết theo thủ tục chung, niêm yết đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ kèm theo và những văn bản tố tụng tại nơi cư trú ghi trên hợp đồng, đảm bảo cho việc tiếp nhận thông tin theo quy định tại Điều 177, Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn, người có quyền và nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Bị đơn đã được tổng đạt đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện của nguyên đơn nhưng không có ý kiến phản đối, đồng thời các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vay tiền mà nguyên đơn cung cấp là Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn có xác nhận của UBND xã Ia Sao, nên có căn cứ xác định chứng cứ này là đúng sự thật. Có căn cứ xác định ông K đã xác lập giao dịch vay hai khoản tiền và quá trình thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng như nguyên đơn đã trình bày.

[4] Đối với khoản vay 40.000.000đ theo chương trình hộ mới thoát nghèo, thời hạn trả nợ đến 16/12/2018. Nguyên đơn nộp khởi kiện vào ngày 10/12/2018 là chưa đến thời hạn trả nợ. Tuy nhiên, bị đơn đã bỏ đi khỏi nơi cư trú, không thông báo địa chỉ mới cho nguyên đơn, cố tình che giấu địa chỉ nên có căn cứ xác định bị đơn đã không còn sử dụng tiền vay đúng mục đích vay là để cải tạo, chăm sóc vườn cà phê, cung cấp thông tin sai sự thật, đồng thời đã vi phạm

nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi nên nguyên đơn có quyền khởi kiện, chấm dứt việc cho vay, thu hồi nợ trước hạn theo quy định tại Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng.

[5] Ngân hàng C cho vay theo chương trình vay vốn đối với đối tượng chính sách và học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn theo quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27/9/2007 và hộ mới thoát nghèo theo Quyết định số 28/2015/QĐ-TTg ngày 21/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ, với mục đích chăm sóc vườn cà phê. Chủ thể vay tiền là hộ gia đình, chủ thể của giao dịch dân sự theo Bộ luật Dân sự 2005, luật có hiệu lực tại thời điểm xác lập giao dịch, được áp dụng để giải quyết tranh chấp. Ông Trần Văn K là chủ hộ gia đình, nhân danh cả hộ trực tiếp xác lập giao dịch vì lợi ích chung của cả hộ gia đình nên hộ gia đình ông K phải chịu trách nhiệm trả nợ theo quy định tại Điều 107, Điều 110 của Bộ luật Dân sự 2005.

[6] Theo quy định tại Điều 110 của Bộ luật Dân sự 2005, hộ gia đình chịu trách nhiệm dân sự bằng tài sản của hộ, nếu tài sản chung không đủ thực hiện nghĩa vụ thì các thành viên phải chịu trách nhiệm liên đới bằng tài sản riêng. Tuy nhiên, không có chứng cứ để xác định hộ gia đình ông K có tài sản chung và những thành viên đóng góp, cùng nhau tạo lập hoặc tặng cho chung, thừa kế chung, thỏa thuận là tài sản chung. Đồng thời, quy định này cũng không xác định cụ thể thành viên nào của hộ gia đình phải có nghĩa vụ thực hiện nghĩa vụ. Căn cứ vào nguyên tắc tự do, tự nguyện cam kết, thỏa thuận và khả năng xác lập, thực hiện quyền, nghĩa vụ dân sự cá nhân, Hội đồng xét xử xác định nghĩa vụ trả nợ thuộc về các thành viên của hộ gia đình có công sức đóng góp vào hoạt động kinh tế chung và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự tại thời điểm xác lập giao dịch vay tiền theo quy định tại các điều 4, 17, 18, 19, 20, 106 của Bộ luật Dân sự 2005. Nghĩa vụ trả nợ đối với khoản vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn thuộc về ông K, bà D. Nghĩa vụ trả nợ đối với khoản vay hộ mới thoát nghèo thuộc về ông K, bà D, ông K.

[7] Bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi khi đến hạn, không còn sử dụng vốn vay vào đúng mục đích vay theo thỏa thuận nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với các quy định tại các điều 91, 94, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn số tiền:

- Ông K, bà D, ông K phải liên đới trả khoản nợ vay theo chương trình hộ mới thoát nghèo: nợ gốc 40.000.000đ, nợ lãi tính đến ngày xét xử 6.502.181đ, tổng cộng: 46.502.181đ, chia phần mỗi người 15.500.727đ.

- Ông K, bà D phải liên đới trả khoản nợ vay theo chương trình học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn: nợ gốc 8.900.000đ, nợ lãi trong hạn 1.013.722đ, nợ lãi quá hạn tính đến ngày xét xử 452.466đ, tổng cộng: 10.366.188, chia phần mỗi người 5.183.094đ.

[8] Về án phí: Người có nghĩa vụ trả tiền phải chịu án phí sơ thẩm, cụ thể:

- Ông K, bà D, ông K có nghĩa vụ liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ trả nợ tiền vay theo chương trình vay hộ mới thoát nghèo là 2.325.109đ.

- Ông K, bà D có nghĩa vụ liên đới nộp 518.309đ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 39, 40, 147, 192, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

- Áp dụng các điều 91, 94, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Áp dụng các điều 4, 17, 18, 19, 20, 106, 107, 108, 110 của Bộ luật Dân sự 2005;

Tuyên xử:

1. Ông Trần Văn K, bà Lê Thị D có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng C số tiền nợ gốc 8.900.000đ, nợ lãi trong hạn 1.013.722đ, nợ lãi quá hạn tính đến ngày xét xử 452.466đ, tổng cộng 10.366.188 (mười triệu ba trăm sáu mươi sáu nghìn một trăm tám mươi tám đồng), chia phần mỗi người 5.183.094đ (năm triệu một trăm tám mươi ba nghìn không trăm chín mươi tư đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Trần Văn K, bà Lê Thị D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng là 10,14%/năm.

2. Ông Trần Văn K, bà Lê Thị D, ông Trần Anh K có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng C số tiền nợ gốc 40.000.000đ, nợ lãi tính đến ngày xét xử 6.502.181đ, tổng cộng 46.502.181đ (bốn mươi sáu triệu năm trăm lẻ hai nghìn một trăm tám mươi một đồng), chia phần mỗi người 15.500.727đ (mười lăm triệu năm trăm nghìn bảy trăm hai mươi bảy đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Trần Văn K, bà Lê Thị D, ông Trần Anh K còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng là 10,725%/năm.

3. Về án phí

Ông Trần Văn K, bà Lê Thị D, ông Trần Anh K có nghĩa vụ liên đới nộp 2.325.109đ (hai triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn một trăm lẻ chín đồng) án phí dân sự sơ thẩm, mỗi người nộp 775.036đ (bảy trăm bảy mươi lăm nghìn không trăm ba mươi sáu đồng).

Ông Trần Văn K, bà Lê Thị D có nghĩa vụ liên đới nộp 518.309đ (năm trăm mười tám nghìn ba trăm lẻ chín đồng) án phí dân sự sơ thẩm, mỗi người nộp 259.155đ (hai trăm năm mươi chín nghìn một trăm năm mươi lăm đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn và người có quyền và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện G;
- Chi cục THA dân sự huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Huy